TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2022/HC-PT
Ngày: 15 - 3 - 2022
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 285/2021/TLPT-HC ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 64/2021/HCST ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 163/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Thái Thị K, sinh năm 1952. (có mặt)

Cư trú: ấp 1, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Thế T (có mặt)

Cư trú: đường H, Phường 15, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Huỳnh Văn Tr - Đoàn Luật sư tỉnh Long An. (có mặt)

- *Người bị kiện:*

1/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở: đường T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện pháp luật: Ông Đào Gia V - Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Phó Chủ tịch. (vắng

mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Dương Thị Kim H – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B. (có mặt)

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B

Trụ sở: ấp 2, Tỉnh lộ 10, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện pháp luật: Ông Trần Thanh H - Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thanh Th - Phó Chủ tịch. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông Thái Văn D, sinh năm 1983. (có mặt)

2/. Bà Thái Thị H, sinh năm 1986. (có mặt)

3/. Ông Đặng Văn K, sinh năm 1975. (có mặt)

4/. Bà Thái Thị Kim Th, sinh năm 1971. (có mặt)

5/. Ông Võ Thanh Ph, sinh năm 1961. (có mặt)

6/. Anh Thái Văn Ng, sinh năm 2004. (vắng mặt)

7/. Anh Thái Văn Tr, sinh năm 2008. (vắng mặt)

8/. Chị Thái Thị Ngọc V, sinh năm 2011. (vắng mặt)

9/. Ông Võ Chí Ng1, sinh năm 1997. (vắng mặt)

10/. Chị Võ Thị Thanh L, sinh năm 2002. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

11/. Ông Võ Chí H1, sinh năm 2000. (vắng mặt)

12/. Anh Võ Hoàng H2, sinh năm 2012. (vắng mặt)

13/. Chị Võ Thị Kim Ng2, sinh năm 2007. (vắng mặt)

14/. Chị Võ Thị Kim Ch, sinh năm 2005. (vắng mặt)

Cùng cư trú: ấp 1, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền của các ông bà Võ Chí Ng1, Đặng Văn K, Võ Chí H1 và Võ Thanh Ph: Bà Thái Thị Kim Th. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Thái Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Thái Thị K trình bày:

Năm 1995, bà khai hoang khu đất trống, không có ao hồ hay kênh rạch. Năm 2003, xây dựng hai căn nhà có diện tích 60m^2 và 202,5m^2 thuộc thửa 14, 15, 16 tờ bản đồ số 129. Năm 2005, Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư B (viết tắt Công ty CP-TV&ĐT B) đo vẽ thể hiện có nhà tường, mái tole. Năm 2008, Công

ty Địa ốc B múc đất thành con kênh để thoát nước. Việc xây dựng nhà trên thửa đất trên phù hợp qui hoạch khu dân cư, không vướng qui hoạch nào khác, sử dụng ổn định, không tranh chấp nên được tồn tại theo Điều 121 Luật Xây dựng năm 2003.

Chủ tịch UBND xã P, huyện B ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 706/QĐ-KPHQ ngày 12/12/2019, Quyết định số 800/QĐ-CC ngày 31/12/2019 về cưỡng chế thi hành Quyết định ADBPKPHQ số 706/QĐ-KPHQ, Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 14/02/2020 về việc đính chính Quyết định số 706/QĐ-KPHQ và bác nội dung khiếu nại Quyết định số 706/QĐ-KPHQ theo đơn của bà ký ngày 23/12/2019 bởi Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, kể cả việc Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 4243/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần hai là không có cơ sở.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định vừa nêu.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B trình bày:

Phần đất trên có nguồn gốc là của bà Nguyễn Thị S - Chủ lò gạch V hiến cho nhà nước tại Quyết định số 337/QĐ-UB ngày 27/5/1976 của UBND Cách mạng Thành phố. Giao lò gạch này cho Sở Nông Nghiệp quản lý theo Quyết định số 606/QĐ-UB ngày 26/5/1977 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, chuyển giao cho Xí nghiệp Quốc doanh V - Công ty X theo Quyết định số 2956/NN-QĐ ngày 02/12/1981.

UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 300/QĐ-UB ngày 29/12/1992 và Quyết định số 5904/QĐ-UB ngày 30/8/2000 xác định Công ty X vào Tổng Công ty X1 (viết tắt Tổng Công ty X1). Đồng thời, chấp thuận chủ trương việc giao đất cho Công ty Xuất nhập khẩu huyện B (nay là Công ty cổ phần Thương mại và Địa ốc B viết tắt Công ty Địa ốc B) để đầu tư xây dựng hạ tầng khu nhà ở phục vụ cán bộ - công nhân viên và những người có nhu cầu tại xã P, huyện B. Riêng phần đất hành lang bảo vệ kênh rạch nhà nước do Xí nghiệp Quản lý khai thác Thủy Lợi H - B (viết tắt Xí nghiệp Thủy lợi) quản lý.

Kê khai phần đất trên thể hiện như sau:

Theo Tài liệu 299/TTg: thuộc một phần thửa 107, tờ bản đồ số 7 do Xí nghiệp Quốc doanh V kê khai đăng ký và một phân bờ kênh, lòng kênh T15B do UBND xã P quản lý;

Theo Tài liệu Bản đồ địa chính (viết tắt BĐĐC) năm 2005: Tổng Công ty X1 kê khai một phần thửa 14, 15, tờ bản đồ số 129 nay thuộc dự án khu dân cư xã P và một phần bờ kênh, lòng kênh T15B do Xí nghiệp Thủy Lợi quản lý. Bà Nguyễn Thị T kê khai một phần thửa 16, tờ bản đồ số 129.

Bà Thái Thị K tự lấn chiếm phần đất trên để trồng sen, trong đó có một phần đất do Tổng Công ty X1 quản lý và một phần đất nằm trên bờ kênh và lòng kênh T15B do nhà nước quản lý.

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí (viết tắt Bản đồ HTVT) số 2359/2004.A ngày 03/11/2004 của Công ty CP-TV-ĐT B và Bản vẽ đo đạc hiện trạng nhà đất tại xã P từ tháng 12/2003 đến tháng 5/2004 của Phân viện Địa chính Phía Nam đều thể hiện phần đất tự lấn chiếm là đất ruộng, không có công trình nên có đủ cơ sở khẳng định thời điểm xây dựng của bà Thái Thị K là vào năm 2005 đối với công trình 2 có diện tích là 202,5m^2. Riêng công trình 1 có diện tích 60m^2 xây dựng năm 2017.

Thời điểm lập Biên bản vi phạm hành chính (viết tắt Biên bản VPHC) số 65/BB-VPHC ngày 11/12/2019 ghi nhận hai công trình nêu trên đều có sự hiện diện của bà Thái Thị K nhưng không đồng ý ký vào biên bản. Chủ tịch UBND xã P ban hành các quyết định hành chính như đã nêu trong đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung là có căn cứ, nên không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị K.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:

Theo Biên bản ngày 28/4/2002 của Thanh tra huyện B ghi nhận kênh thủy lợi trên BĐĐC có tên là kênh T15B do Xí nghiệp Thủy Lợi quản lý. Bà Thái Thị K xác định Bản đồ HTVT số 2359/2004A đo vẽ không chính xác đã bị thay bởi Bản đồ HTVT số 243 BCI/2004.A ngày 11/3/2005 của Công ty CP- TV&ĐT B đo vẽ ranh giới khu đất do bà Thái Thị K hướng dẫn tại một phần thửa 99, tờ bản đồ số 16, Bộ địa chính xã V B, huyện B là không đúng. Ngoài ra, không cung cấp tài liệu để chứng minh việc không lấn chiếm bờ kênh và lòng kênh, kể cả tài liệu "khống" để ký quyết định trái pháp luật. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị K về hủy Quyết định GQKN lần hai số 4243/QĐ-UBND.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Văn D, bà Thái Thị H và bà Thái Thị Kim Th (do ông Nguyễn Xuân Thế T viết hộ) trình bày:

Các ông bà là em và con của bà Thái Thị K; đều thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị K.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 64/2021/HC-ST ngày 15 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 và Điều 213 Luật tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị K như sau:

Hủy Quyết định áp dụng biên pháp khắc phục hậu quả số 706/QĐ-KPHQ ngày 12/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B.

Hủy Quyết định số 800/QĐ-CC ngày 31/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban

nhân dân xã P, huyện B về cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 706/QĐ-KPHQ ngày 12/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B.

Hủy Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 14/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B về đính chính Quyết định số 706/QĐ-KPHQ ngày 12/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Thái Thị K.

Hủy Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Thái Thị K (lần đầu).

Hủy Quyết định số 4243/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Thái Thị K (lần hai).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 19/01/2021, bà Thái Thị K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thái Thị K đưa ra các lập luận, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà K.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện B đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Thái Thị K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị K là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Thái Thị K làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch UBND huyện B, Chủ tịch UBND xã P được triệu tập hợp lệ 02 lần trở lên nhưng vắng mặt. Hội đồng

xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

Bà K cho rằng phần diện tích đất bà bị buộc tháo dỡ theo các quyết định hành chính bị khởi kiện có nguồn gốc do bà khai hoang từ khu đất trống năm 1995, đến năm 2003 thì xây dựng 02 căn nhà 60m^2 và 202,5m^2 trên đất; việc xây dựng phù hợp với quy hoạch sử dụng đất hiện nay. Vì vậy, Chủ tịch UBND xã P ban hành quyết định khắc phục hậu quả, buộc bà tháo dỡ công trình và quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định khắc phục hậu quả là không đúng quy định pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần diện tích đất bà Thái Thị K hiện đang sử dụng và bị buộc tháo dỡ theo Quyết định số 706/QĐ-KPHQ thuộc một phần diện tích đất 13.548m^2, hiện do Nhà nước quản lý để làm hành lang bảo vệ kênh, rạch theo Quyết định số 1995/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh; đính kèm Bản đồ HTVT tỉ lệ 1/2000 theo Tài liệu bản đồ địa chính năm 2006 xã V B và xã P, cùng với Bản đồ vị trí số 14489/GĐ-ĐCNĐ của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B do Sở Địa chính – Nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh duyệt ngày 28/12/2001.

Theo bản đồ địa chính năm 2003 thể hiện phần đất bà K đang sử dụng không có công trình kiến trúc, nhà cửa trên đất. Trước đó, Tổng Công ty X1 báo cáo về việc bà K nhổ cột mốc ranh giới đối với phần đất trên, được UBND xã P giải quyết tranh chấp theo biên bản lập ngày 28/11/2002. Tại biên bản vi phạm hành chính ngày 29/9/2005 của Xí nghiệp thủy lợi ghi nhận tháng 9/2005 bà K tự ý xây dựng nhà trên lòng kênh 15B thuộc xã V B. Đồng thời, tại bản đồ HTVT số 2359/2004A của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư B thể hiện phần đất lấn chiếm là đất ruộng, không có công trình trên đất. Tại Biên bản đo vẽ hiện trạng nhà đất xã P từ thời điểm tháng 12/2003 đến tháng 5/2004 của Phân viện địa chính Phía nam cũng không thể hiện có công trình của bà K trên đất. UBND xã P xác định bà K tạo lập các công trình trên đất vào năm 2005 là có cơ sở.

Bà K không chứng minh được quyền sử dụng hợp pháp đối với phần diện tích đất trên cũng như việc xây dựng công trình trên đất từ thời điểm năm 2003. Bà K căn cứ biên bản vi phạm hành chính ngày 14/12/2011 và Quyết định hành chính số 385/QĐ-UBND-KPHQ cho rằng UBND xã P xác định bà xây dựng công trình nhà ở trên đất từ năm 2003; tuy nhiên các văn bản này đã bị thu hồi, hủy bỏ bằng quyết định hành chính khác, đồng thời nội dung các văn bản này cũng không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như đã viện dẫn trên nên không đủ cơ sở để chứng minh.

Chủ tịch UBND huyện B lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà K về hành vi lấn chiếm đất nông nghiệp là có căn cứ. Do thời hạn xử phạt vi phạm

hành chính đã hết nên ngày 12/12/2019, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 706/QĐ-KPHQ, buộc bà K tháo dỡ công trình trên đất. Bà K không thực hiện nên ngày 31/12/2019 Chủ tịch UBND P ban hành Quyết định số 800/QĐ-CC cưỡng chế thi hành Quyết định số 706/QĐ-KPHQ. Các quyết định trên ban hành đúng quy định pháp luật.

Do đó, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định 111/QĐ-UBND; Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 4243/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 bác khiếu nại của bà Thái Thị K là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Thái Thị K; cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bà Thái Thị K là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính; Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Thái Thị K.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 64/2021/HC-ST ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị K về việc hủy các quyết định hành chính sau:

+ Quyết định áp dụng biên pháp khắc phục hậu quả số 706/QĐ-KPHQ ngày 12/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B.

+ Quyết định số 800/QĐ-CC ngày 31/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B về cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 706/QĐ-KPHQ ngày 12/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B.

+ Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 14/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B về đính chính Quyết định số 706/QĐ-KPHQ ngày 12/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Thái Thị K.

+ Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban

nhân dân xã P, huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Thái Thị K (lần đầu).

+ Quyết định số 4243/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Thái Thị K (lần hai).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bà Thái Thị K được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- ĐS (16);
- Lưu VP(3), HS(2).26b.TTPT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng